

CHỨC NĂNG ĐẠO ĐỨC TRONG QUAN NIỆM VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

Đặng Văn Vũ¹

TÓM TẮT

Trong đời sống văn học trung đại Việt Nam, chúng ta không chỉ tiếp xúc với bản thân tác phẩm với tư tưởng, thẩm mỹ, hiện thực..., mà còn tiếp nhận được nhiều vấn đề thuộc về lý thuyết văn học. Thông qua lời tựa, bạt cho các tập thơ văn, thông qua thư từ trao đổi hoặc phát biểu trực tiếp..., văn nhân xưa thể hiện quan niệm của mình về nhiều phương diện thuộc về lý luận sáng tác. Ở phương diện chức năng của văn chương, văn nhân trung đại bàn luận nhiều về chức năng thẩm mỹ, giải trí và giáo dục. Trong chức năng giáo dục, người xưa nhấn mạnh đến tầm quan trọng của giáo dục đạo đức. Văn nhân trung đại luôn tâm niệm rằng văn chương là một hình thức vô cùng quan trọng trong vấn đề giáo dục đạo đức cho con người.

Từ khóa: Trung đại, chức năng, giáo dục, đạo đức, văn nhân.

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.82.12.2025.713>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lý luận văn học thời kỳ trung đại Việt Nam không có được một hệ thống lý thuyết hoàn chỉnh, trong một công trình hoàn chỉnh dạng như *Văn tâm điều long* của Lưu Hiệp, *Tùy viên thi thoại* của Viên Mai hay *Thi phẩm* của Chung Vinh... bên Trung Quốc. Do không có nhà lý luận chuyên nghiệp như Lưu Hiệp, Chung Vinh, Viên Mai, lý luận văn học thời kỳ trung đại ở Việt Nam chủ yếu là sự thể hiện quan niệm văn chương của những nhà thơ, nhà văn (từ đây gọi chung là *nhà văn* hoặc *văn nhân*). Họ thể hiện quan điểm ấy thông qua các tác phẩm thơ, các lời bạt, lời tựa cho sách, các bức thư hoặc phát biểu trực tiếp được ghi lại... Người đời sau tập hợp nó lại, và xem như đó là một gia tài lý luận văn học cổ của dân tộc. Trong gia tài khá phong phú ấy, ông cha ta đã bàn luận, nghiền ngẫm cả phương diện vai trò, chức năng lẫn bản chất của văn chương. Ở phương diện chức năng, người xưa luôn đề cao chức năng thẩm mỹ, chức năng giải trí, chức năng giáo dục - đặc biệt là giáo dục đạo đức. Thừa hưởng tinh thần “văn dĩ tải đạo” của Nho giáo, ông cha ta cũng khẳng định “chở đạo” là chức năng quan trọng nhất của văn chương. Nhưng sự “chở đạo” của văn học trung đại Việt Nam không hề trùng khít với chở đạo của Trung Hoa.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để tìm hiểu một cách đầy đủ và sâu sắc quan niệm về chức năng đạo đức của văn học trung đại, người viết vận dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

¹ Trường Đại học Sài Gòn; Email: dvvu@sgu.edu.vn

Phương pháp thống kê - phân loại: Do các ý kiến của văn nhân trung đại không theo một quy chuẩn có tính hệ thống như lý luận hiện đại nên người viết vận dụng phương pháp này để sắp xếp các nội dung thành các kiểu loại cụ thể trong quá trình khảo sát.

Phương pháp văn hóa - lịch sử: Yếu tố văn hoá - lịch sử luôn có vai trò quan trọng trong việc hình thành ý thức nên người viết vận dụng phương pháp này để xác định cơ sở văn hóa, lịch sử của các quan niệm.

Phương pháp phân tích, tổng hợp: Đây là phương pháp cơ bản để bóc tách vấn đề một cách cụ thể, chi tiết và tổng hợp lại nhằm làm sáng tỏ các nội dung chính.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Môi quan hệ giữa văn học và đạo đức

Trong thời kỳ trung đại, sự tiếp thu tư tưởng Nho giáo về văn chương ở Việt Nam là khác nhau trong từng thời kỳ lịch sử. Từ thế kỷ X đến thế kỷ XV, với tính chất tiên bộ, tích cực của mình, các nhà văn chủ yếu tiếp thu tinh thần của Khổng Tử, Lưu Hiệp. Nhưng từ thế kỷ XVI trở đi, chế độ phong kiến Việt Nam bắt đầu suy thoái, rất giống với thời nhà Tống ở Trung Hoa, nên giới nhà văn triều đình tiếp thu toàn bộ tinh thần văn chương Tống Nho. Chỉ có những tác gia gần gũi với nhân dân mới đi theo quan điểm văn chương “chở đạo nhân dân”, mà tiêu biểu nhất là Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Thông, Phan Văn Trị. Tự trung, chức năng chở đạo của văn chương trung đại vừa chịu ảnh hưởng của quan niệm Nho giáo Trung Hoa, vừa mang tính chất đặc trưng của văn hóa Việt Nam.

Nói đến văn chương chở đạo thời kỳ trung đại, người ta nghĩ ngay đến câu “Văn dĩ tải đạo” của Trình Di, đó là tư tưởng bao trùm của triết lý Tống Nho (Trung Quốc) về chức năng của văn chương. Tính chất “chở đạo” đó có sự khác nhau từ Khổng Tử (TK VI-V trước ông nguyên) đến Tống Nho (TK X-XIII), nhưng nhìn chung nó có sự thống nhất cao độ về nhiệm vụ chở đạo thánh hiền (chứ không phải đạo nhân dân), đó là chức năng quan trọng nhất của văn chương. Ngày nay, ta hiểu “văn dĩ tải đạo” thiên về cách hiểu của Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu hơn là cách hiểu của Nho giáo. Có thể nói, từ “Văn dĩ tải đạo” của Tống Nho đến “Văn dĩ tải đạo” của Nguyễn Đình Chiểu trong “*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm/ Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà*” là cả một quá trình biến chuyển, phát triển thấm đậm tinh thần dân tộc và đặc trưng văn hóa, lịch sử Việt Nam.

Có thể nói rằng, đạo đức là phạm trù trung tâm của tư tưởng Nho giáo. Đạo đức là yếu tố cơ bản để duy trì sự ổn định của xã hội và tạo nên nhân cách con người, vì vậy nó là tiêu chuẩn hàng đầu của người quân tử. Đạo đức chi phối mọi mặt trong đời sống xã hội, nhất là những vấn đề thuộc về ý thức. Văn chương là một hình thái ý thức đặc thù, mục đích của nó rất gần với mục đích của đạo đức, vì thế đạo đức có mối quan hệ chặt chẽ với văn chương. Khổng Tử cho rằng, *đạo đức* là cái gốc để hình thành nên *văn*. Giữa đạo đức và văn chương, ông có khuynh hướng đề cao đạo đức. Khổng Tử viết: “*Hữu đức giả, tất hữu ngôn, hữu ngôn giả, bất tất hữu đức*”(Người có đạo đức ắt có lời hay, người có lời hay chưa hẳn có đạo đức). Là một nước chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của văn hóa Trung Hoa, của tinh thần Nho giáo; các nhà văn Việt Nam từ rất lâu đã khẳng định mối liên hệ bên trong của văn chương với đạo đức.

Tại sao nói đến chức năng chở đạo trong văn học trung đại, ta hay nói đến đạo đức Nho giáo? Đa số các văn nhân thời trung đại đều là môn đệ của “cửa Khổng sân Trình”, chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng Nho giáo. Nhưng nhiều nhà Nho tiến bộ cũng chịu ảnh hưởng bởi quan điểm truyền thống của văn hóa dân tộc. Cho nên dễ thấy rằng, đạo đức của văn nhân vừa gắn liền với “đạo” của vua, vừa gắn liền với “đức” của dân. Nguyễn Trãi luôn tâm niệm:

*Thương, Chu bạn cũ các chư đời
Sá lánh thân nhân thuở việc rồi.
Cởi tục trà thường pha nước tuyết,
Tầm thanh trong vắt tiễn chè mai.
Chim kêu hoa nở ngày xuân tĩnh,
Hương lụi cờ tàn tiệc khách thôi.
Bui có một niềm chăng nở trẻ,
“Đạo làm con lẫn đạo làm tôi”.*

[1; tr.33]

Do điều kiện lịch sử xã hội Việt Nam thời trung đại quy định, chức năng giáo dục đạo đức (cơ bản là đạo đức Nho giáo) nổi lên hàng đầu trong sáng tác cũng như thường lãm văn chương. Bởi vậy, Tục Đức trong *Ngự chế thi nhi tập* có phát biểu: “*Đạo là gốc rễ của văn, văn là cành lá của đạo. Đấng thánh nhân có tài, hiểu rõ đạo đức, hành động hợp với lễ nghĩa trong lòng là chí, phát ra lời nói là văn. Thế thì mọi hành động, mọi lời nói đều xuất phát từ lễ nghĩa*” [9; tr.94]. Người ta hay phê phán Tục Đức ở ý, tại sao văn chỉ là cành lá của đạo, trong khi văn có chất của văn, đạo có chất của đạo? Rồi các học giả quy kết triều Nguyễn hấp thu nguyên vẹn Tống Nho để thuận lợi trong việc trị quốc. Thực ra, cả thời trung đại chứ không riêng gì thời Nguyễn, “đạo đức rộng ra khuôn mẫu, lễ nghĩa vững chắc đá vàng... văn chương sáng láng như nhật nguyệt”, ngay từ đời Trần, đời Lê; Phạm Kinh Khê, Nguyễn Trãi đã nói như thế. Vậy thì ở đây, chúng ta không nên vì yêu ghét một triều đại, một vị vua nào đó mà gán ghép, áp đặt. Tinh thần khoa học không cho phép điều đó. Trở lại với câu nói của Tục Đức, ai dám đảm bảo rằng Tục Đức nói đạo ở đây là đạo đức Nho giáo đời Tống chứ không có ý đạo đức dân tộc? Cơ sở nào để khẳng định điều đó? Trên tinh thần trung dung, chúng ta nghĩ đó là đạo đức nói chung. Nếu đứng trên quan điểm ngày nay, thật khó chấp nhận “văn là cành lá của đạo”, nhưng ở thời trung đại, điều này không có gì là sai. Duy trì, ổn định đạo đức Nho giáo ở tầng lớp trên, đạo đức nhân dân ở tầng lớp dưới đó là nhiệm vụ của bất cứ ông vua nào, và đó cũng là nhiệm vụ của văn chương. Lịch sử cho thấy, bất cứ triều đại nào cũng quan tâm sâu sắc đến đời sống văn chương, vì văn chương có quan hệ mật thiết với chính trị. Chính trị luôn có xu thế lãnh đạo văn chương, hướng văn chương đến việc phục vụ cho mình. Cho nên, phát biểu của vua quan các vương triều đều có ý giống nhau. Tường minh cho ý kiến của Tục Đức, trong *Thạch nông toàn tập*, Nguyễn Tư Giản, kinh điển giảng quan của Tục Đức nói: “*Văn của thánh nhân là để chở đạo, còn văn của văn nhân dùng để bàn đạo*” [9; tr.93]. Bỏ đi cách nói có phần minh họa của bề tôi đối với vua, ta cũng thấy được quan niệm về chức năng chở đạo là quan trọng nhường nào,

tuy có phần nặng nề và cực đoan. Bởi thực tế, văn của thánh nhân như Lý Thái Tông, Lý Nhân Tông, Trần Nhân Tông... hay sau này là Tự Đức cũng viết rất nhiều về vịnh cảnh ngụ tình mà ít về răn dạy đạo đức. Họ có thể ít làm thơ về răn dạy đạo đức, nhưng không vì thế mà họ xem nhẹ chức năng đạo đức của văn thơ. Mặc dù thời Lý - Trần, quốc giáo là Phật giáo chứ không phải Nho giáo, nhưng ai dám đảm bảo các vị vua không ảnh hưởng Nho giáo ít nhiều. Và đạo đức ấy có sự hòa trộn giữa đạo thánh hiền và đạo nhân dân. Đến triều Nguyễn thì Nho chiếm địa vị quốc giáo nên từ “văn dĩ minh đạo” đã chuyển sang “văn dĩ tải đạo”. Có lẽ vì vậy mà Nguyễn Văn Siêu trong *Phương Đình văn loại* nói càng mạnh hơn: “*Văn với đạo tuy khác tên, nhưng kỳ thực, văn là do đạo mà ra*” [9; tr.93]. Người mẹ sinh ra đứa con không có nghĩa là đứa con ấy là bản sao của mẹ. Nó sẽ có hình hài và tính cách không phải giống hệt mẹ, nhiều khi lại khác xa mẹ. Cho nên người mẹ “đạo” sinh ra đứa con “văn” thì văn là văn, đạo là đạo chứ không thể đồng nhất được. Nhưng dù sao đứa con văn ấy vẫn có những gien di truyền từ người mẹ đạo. Đến đây, có thể thấy, thời trung đại, văn và đạo có mối quan hệ mật thiết như thế nào.

Văn trên tinh thần văn là do đạo mà ra, trả lời việc vua hỏi về thể tài, phép cách của văn thơ, Vũ Phạm Khải cũng nói: “*Văn thì tiên Nho cho là cái khí cụ để chứa đựng đạo đức vậy*” [9; tr.93]. Tiên Nho (Nho thời Khổng Tử, Lưu Hiệp) quan niệm “Văn dĩ minh đạo” với câu nói có tính tuyên ngôn của Khổng Tử: “*Đạo nhờ thánh nhân mà thành văn chương, nhưng thánh nhân cũng nhờ văn chương mà sáng tỏ được đạo*” (Nguyên đạo). Thực ra, Vũ Phạm Khải diễn lại ý của Khổng Tử để nhắc nhở, khẳng định tính “nguyên đạo” của văn chương mà thôi.

Đạo là yếu tố đầu tiên nên dễ hiểu vì sao Ngô Thì Nhậm coi văn là một lĩnh vực cao siêu, là sự biểu lộ của đạo: “*Văn chương của Thái cực phát lộ ra ở trên là mặt trời, trăng sao; ở giữa là kinh truyện của thánh hiền; ở dưới là núi non, sông bể. Song mặt trời, trăng, sao, núi non, sông bể, vì sao mà chuyển vận, trôi, đứng, cái “tình” của nó ta không thể biết được. Ta chỉ thấy cái “hình” của nó mà thôi. Riêng kinh truyện của thánh hiền là nêu ra được hết tinh thần và hình thể của Thái cực. Thái cực là đạo, tinh thần và hình thể của Thái cực là những cái rộng lớn và ẩn vi của đạo. Những cái đó đều nhờ vào văn chương mà biểu lộ ra*” [8; tr.237]. Như vậy “kinh truyện của thánh hiền” là ở giữa, tức là phần trung tâm, cốt lõi của văn chương, và chính nó đã nêu ra được nội dung và hình thức của tác phẩm. Đạo đã chi phối toàn bộ một tác phẩm văn chương, văn chương chỉ là “ẩn vi” của đạo. Nếu xét câu nói này ở phương diện độc lập của nó, thì ta thấy Ngô Thì Nhậm khá thống nhất với Tự Đức, Nguyễn Tư Giản, Nguyễn Văn Siêu hay Vũ Phạm Khải - những người chịu ảnh hưởng rất lớn từ Tống Nho. Tuy nhiên, đặt câu đó trong hệ thống quan niệm của riêng ông và của những tác giả họ Ngô Thì, thì ta thấy nó không đơn giản là khô khan, phiến diện như vậy. Ý kiến của Lê Quý Đôn trong *Vân đài loại ngữ* lại có cái nhìn khác: “*Văn không khi nào bị coi là việc ngọn. Sách Luận ngữ nói: “Chỉ ư đạo, cử ư đức, y ư nhân, du ư nghệ”, nghĩa là lấy đạo làm hướng cho sự lập chí, lấy đức làm chỗ căn cứ, lấy nhân làm nơi nương tựa, lấy nghệ làm thú vui chơi. Xem đó người xưa cũng chỉ nói ngang nhau, chứ không chia ra điều nào là gốc, điều nào là ngọn*” [9; tr.114]. Lê Quý Đôn có ý phản bác lại Tự Đức, nhưng như trên đã nói, dù có ý phê phán Tự Đức khi ông cho rằng

đạo quan trọng hơn văn, nhưng thực ra Lê Quý Đôn lại lấy câu nói của Khổng Tử “cứ u đức, du u nghệ” mà biện giải là *người xưa cũng chỉ nói ngang nhau* thì không thuyết phục lắm. Dù gì, chung quy lại, người xưa vẫn xác định văn chương với đạo đức có mối quan hệ bên trong, đạo là gốc của văn.

Có thể thấy, ý thức đạo đức chi phối rất nhiều đến tư tưởng con người. Văn học là một hình thức quan trọng để thể hiện tư tưởng, nên nó có mối quan hệ nội tại với đạo đức. Thời trung đại, chúng ta thấy mối quan hệ này có hai phương diện. Thứ nhất, nhà văn có ý thức dùng văn chương để “chở đạo”. Thứ hai, dù là dùng văn để “tả cảnh, ngụ tình”, nhưng tự bản chất, nó vẫn có nhiệm vụ lan tỏa những giá trị đạo đức, lan tỏa và qua đó góp phần giáo dục đạo đức.

3.2. Văn học với vấn đề giáo dục đạo đức

Ở phương Tây, ngay từ thời cổ đại, Aristote đã nói: *“Khi xem kịch, nếu người ta có khóc, thì những giọt nước mắt đó cũng sẽ làm con người trong sạch và cao thượng hơn”* [10; tr.173]. Ở Việt Nam, thế kỷ XVIII, Lê Quý Đôn cũng nói: *“Văn chương là cái gốc của sự lập thân, là việc lớn của sự kinh tế”* [10; tr.173]. Ngay từ thời cổ trung đại, cả phương Tây lẫn phương Đông đều thấy được tầm quan trọng của việc tác động đến vấn đề đạo đức từ tác phẩm văn chương.

Do ảnh hưởng của Nho giáo và văn hóa trọng tình, người phương Đông, người Việt Nam quan niệm đạo đức là cái quý nhất của một con người, con người mà không có đạo đức tức là không có tất cả. Mọi hoạt động của con người đều phải lấy tiêu chuẩn đạo đức làm đầu, xoay quanh hạt nhân đạo đức: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Trách nhiệm của văn chương là phải tuyên truyền, giáo dục đạo đức cho con người. Trong bài tựa *Lĩnh Nam chích quái*, Vũ Quỳnh viết: *“Việc lạ có nhiều, đặt ra các truyện, không cần phải đục vào đá, khắc vào gỗ, mà ghi rõ ở lòng dân, lưu truyền như văn bia ở cửa miệng, từ trẻ đến cụ già, thấy đều ngợi khen mà ham thích, thế thì những truyện ấy có quan hệ đến cương thường, đến phong hóa không phải nhỏ vậy”* [8; tr.46]. Tác phẩm được “ghi rõ ở lòng dân” là những tác phẩm có nội dung cương thường (tam cương: vua - tôi, cha - con, chồng - vợ, ngũ thường: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) để giáo dục đạo đức Nho giáo. Ở đây, chức năng chở đạo hầu như là bắt buộc, là bao trùm lên tác phẩm. Chỉ có những tác phẩm chuyên chở đạo đức như thế mới được “ngợi khen và ham thích”. Trong bài *Thiên thu giám phú* - một trong những bài thơ hay đời Trần, Phạm Kính Khê viết:

*Đạo đức rộng ra khuôn mẫu,
Lễ nghĩa vững chắc đá vàng,
Khí tiết nghiêm túc tựa băng sương,
Văn chương sáng láng như nhật nguyệt.*

[9; tr.71]

Có ba phạm trù: *đạo đức, lễ nghĩa, khí tiết* là cơ sở, nền tảng của văn chương. Nếu có đầy đủ phẩm chất ấy, thì văn chương mới sáng láng được. Nếu đạo đức là cái gốc của văn chương thì cành lá của nó phải tỏa ra mùi hương đạo đức. Vậy, văn chương gắn chặt với đạo

đức. Sự gắn chặt ấy nhiều khi bị lạm dụng thái quá. Trong bài phẩm bình bài thơ *Thần tiết* của Lê Thánh Tông, Thân Nhân Trung có nói: “*Xưa nay các bậc vua giỏi tôi hiền đều ca ngợi lẫn nhau. Không có ông vua nào không lấy sự trung can tiết nghĩa để khuyến khích bề tôi. Cũng không có bề tôi nào không lấy những công nghiệp to lớn để mong mỏi đức vua. Tất cả đều thể hiện ra thơ ca dưới nhiều hình thức*” [9; tr.75]. Theo Thân Nhân Trung, thơ là sự hiện ra của tinh thần trung can tiết nghĩa, là công lao của bề dưới dâng lên bề trên, dù cái tinh thần ấy là “ca ngợi lẫn nhau”, là “mong mỏi”. Ở đây, nếu xét ở mối quan hệ văn chương với đạo đức thì nó có quan hệ xuyên thấm nhau, nhưng nếu xét ở khía cạnh quan hệ vua - tôi, thì nó chỉ là công cụ để người ta tỏ lòng với nhau. Quan niệm cho rằng đạo đức là nền gốc của văn chương ta cũng bắt gặp trong bài *Thuật hứng* 13 của Nguyễn Trãi. Theo Nguyễn Trãi, “mùi đạo” cùng với “lòng phiền” là bước khởi phát của thơ:

*Buồng văn khép cửa lộn ngày thu
Đền sách nhàn làm song nhật nho
Thua được, toan chi cơ Hán, Sở
Nên chăng đành lẽ bạn Thương, Chu
Say mùi đạo chè ba chén,
Tả lòng phiền thơ bốn câu.
Khó lẫn vui, chẳng thừa trách,
Vì chung đời có chúa Đường, Ngu.*

[1; tr.70]

Nguyễn Trãi cho rằng làm người thì phải giữ lấy *đạo*, nhất là khi con người ấy là một nhà thơ thì điều đó càng quan trọng hơn. Bởi vì người nghệ sĩ nếu không có nhân cách cao quý thì không thể sáng tác được. Tất nhiên, để sáng tác thì cần có rất nhiều yếu tố khác nữa chứ không phải có đạo đức thì lời sẽ hay như ý của Khổng Tử. Tuy nhiên, trong giáo dục đạo đức con người thì văn chương có một sức mạnh không nhỏ. Văn chương với đạo đức có mối quan hệ bên trong, vì cả hai đều quan tâm đến ý thức, về lương tâm, trách nhiệm, hành vi của con người trong đời sống xã hội. Lý tưởng về cái đẹp, cái cao cả không tách rời với lý tưởng về cái thiện, sự hy sinh, vị tha. Văn chương phải thấm nhuần đạo đức và là công cụ đắc lực để giáo dục đạo đức. Trong bài tựa *Lĩnh Nam chích quái*, Vũ Quỳnh và Kiều Phú đã viết: “*Việc tuy kỳ dị mà không quái đản, văn tuy thần bí nhưng không nhằm nhí, tuy nói những chuyện hoang đường mà tung tích vẫn có bằng cứ, há chẳng phải là khuyên điều thiện, trừng điều ác, bỏ giả theo thật để khuyến khích phong tục đó ru*” [6; tr.31]. Văn chương dù có nói chuyện quái dị, thần bí, hoang đường nhưng nhờ nó hướng đến mục đích lan tỏa điều thiện, lên án điều ác, loại bỏ giả dối, hướng đến chân thật nên ai cũng chấp nhận và nghe theo. Vậy, chuyển tải đạo đức, giáo dục đạo đức sẽ làm nên giá trị của văn chương.

Lúc Tự Đức mới lên ngôi, trong bản kiến nghị của Trương Quốc Dụng có đoạn viết: “*Văn chương quan hệ với vận đời. Nhân sĩ học tập phải say mê nhân nghĩa đạo đức rồi sau mới phát ra làm văn chương*” [9; tr.92]. Tu dưỡng đạo đức là nền tảng cho mọi hành động, trong lĩnh vực sáng tác văn chương thì điều đó càng quan trọng hơn, vì văn chương tác động đến nhiều người. Ngô Thì Chí trong “Lời bình bài phú Mơ thiên thai” cũng phát

biểu tương tự: “*Văn chương là dòng đời của nghĩa lý, nghĩa lý là nguồn gốc của văn chương, cho nên nguồn gốc tắc thì dòng phân ly, đó là cái bệnh của kẻ làm văn. Nếu nghĩa lý có chỗ đắc lực chân thực, thì lời nói tự nhiên quy tụ nơi lòng chính ý thành, có cái ngộ của định tĩnh, không cái cảm của hư vô, có cái vui của nhân trí, không có cái bệnh của núi sông, đó là điều khó khăn vậy*” [8; tr.151]. Người có đạo thì có lời hay, người có lời hay chưa chắc có đạo (**hữu đức giả tất hữu ngôn, hữu ngôn giả bất tất hữu đức**), ý này của Khổng Tử được lưu truyền cho môn đệ của ông mà không hề suy suyển qua nhiều thế kỷ thời trung đại. Chúng ta phải hiểu nhân nghĩa đạo đức của Nho giáo khác với nhân nghĩa đạo đức theo quan niệm nhân dân, của truyền thống văn hóa Việt Nam mà Nguyễn Trãi thể hiện trong “Bình Ngô đại cáo”. Tại sao Ngô Thì Chí cho rằng “nguồn gốc (nghĩa lý) tắc thì dòng phân ly (không đi đúng hướng)? Văn chương mà xa rời đạo đức thì văn chương sẽ không thể hiện được sứ mệnh cao quý của mình, là sự lệch hướng, đánh mất chức năng xã hội.

Cái gốc như thế nên trong thực tế sáng tác, các nhà văn luôn tâm niệm văn chương phải thấm nhuần đạo đức và là công cụ đắc lực để giáo dục đạo đức. Nguyễn Trãi viết trong bài thơ nôm *Mạn thuật* 3:

*Có mống tự nhiên lại có cây
Việc làm vương vất ắt còn chầy.
Thủy chung mấy vật đều nhờ chúa
Động tĩnh nào ai chẳng có thầy.
Hy nộ cương nhu tuy đã có
Nghĩa nhân lễ trí mưa cho khuây.
Hay văn hay võ thì dùng đến
Chẳng đã không ngay khéo dầy.*

[1; tr.49]

Làm người thì chớ nên quên nghĩa, nhân, lễ, trí và phải luôn trân trọng, giữ gìn nó. Để làm được việc đó thì cần cả văn lẫn võ. Văn cũng có sức mạnh như võ, trong lĩnh vực đạo đức thì văn càng cần thiết hơn, bởi nó có những lợi thế vốn thuộc về bản chất. Văn có nghĩa là đẹp, cái đẹp ở đây là cái đẹp bản chất, cái đẹp tâm hồn, tức là cái đẹp đạo đức. Có đức mới có văn hay. Người nghệ sĩ phải đem cái tài văn chương của mình để góp phần vào tuyên truyền, giáo dục đạo đức, đó là chức năng quan trọng của văn chương. Bởi vì sức mạnh giáo dục của văn chương là đánh vào tình cảm để lay chuyển con người. “*Bản chất của nghệ thuật là tình cảm. Đánh vào tình cảm là tác động then chốt để lay chuyển con người... Nghệ thuật giáo dục, cải tạo con người bằng tình cảm, thông qua con đường tình cảm*” [12; tr.109]. Do điều kiện lịch sử xã hội thời trung đại, khi mà sứ mệnh văn chương bao trùm lên đời sống tinh thần của xã hội, khi mà đạo đức có sự hòa trộn giữa đạo đức có tính truyền thống trong văn hóa dân tộc với đạo đức Nho giáo, thì chức năng đạo đức là chức năng quan trọng bậc nhất của văn học.

4. KẾT LUẬN

Nếu từ khoảng năm chín mươi của thế kỷ XX trở về trước, do sự đánh giá lịch sử có phần thiên lệch, nhất là đối với triều Nguyễn, nên đối với thời trung đại, các học giả có phần

phê phán những quan niệm “tải đạo” của các vua quan thời Nguyễn sơ, cho rằng nó rập khuôn tinh thần Tống Nho. Đến hôm nay, khi sự đánh giá có phần bớt phiến diện hơn, thì ta thấy, suốt cả thời trung đại, quan niệm “văn dĩ tải đạo” ở Việt Nam không hề rập khuôn từ Trung Quốc, mà có sự kết hợp giữa tinh thần Nho giáo và tinh thần dân tộc. Theo đó, đạo thánh hiền với đạo nhân dân không phải lúc nào cũng phân biệt rạch ròi. Trên tinh thần trung thực với lịch sử và trung dung trước di sản tinh thần ông cha để lại, chúng ta thấy rằng, xuyên suốt thời kỳ trung đại, ông cha ta quan niệm văn học với đạo đức có mối quan hệ khăng khít, và chức năng chở đạo là chức năng quan trọng bậc nhất của văn học. Quan điểm này chúng ta cũng bắt gặp trong lý luận văn học hiện đại, nhất là ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Văn Nguyên *biên khảo* (2003), *Thơ quốc âm Nguyễn Trãi*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Đinh Gia Khánh chủ biên (1998), *Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII*. Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Hà Thúc Minh (2002), *Đạo Nho và văn hóa phương Đông*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [4] Khâu Chấn Thanh (2001), *Lý luận văn học nghệ thuật cổ điển Trung Quốc*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [5] Lưu Hiệp (1999), *Văn tâm điêu long*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Minh Tấn (chủ biên) (1981), *Từ trong di sản*, Nxb. Tác phẩm mới, Hà Nội.
- [7] Phan Ngọc (2002), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [8] Phan Trọng Thường, Nguyễn Cừ, Vũ Thanh, Trần Nho Thìn (2007), *10 thế kỷ bàn luận về văn chương*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [9] Phương Lựu (1985), *Về quan niệm văn chương cổ Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [10] Phương Lựu, Trần Đình Sử, Nguyễn Xuân Nam, Lê Ngọc Trà, La Khắc Hòa, Thành Thái Thái Bình (1997), *Lý luận văn học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [11] Trần Đình Sử (2005), *Thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [12] Lê Ngọc Trà (2005), *Lý luận và văn học*, Nxb. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
- [13] Phan Mạnh Toàn (2014), *Từ phạm trù “nhân” của Nho giáo đến phạm trù “nhân” trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh*, Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam, số 4 (77), tr.47-53).

MORAL FUNCTIONS IN THE CONCEPT OF VIETNAMESE MEDIEVAL LITERATURE

Dang Van Vu

ABSTRACT

In the life of medieval Vietnamese literature, we not only come into contact with the works themselves with their ideas, aesthetics, reality, etc. but also receive many issues related to literary theory. Through prefaces and epilogues to poetry collections, through correspondence or direct speeches, etc. ancient literati expressed their views on

many aspects of creative theory. In terms of the function of literature, medieval literati discussed a lot about the aesthetic, entertainment and educational functions. In the educational function, they emphasized the importance of moral education. Medieval literati always believed that literature is an extremely important form in the issue of moral education for people.

Keywords: *Medieval, function, education, ethics, literati.*

** Ngày nộp bài: 20/12/2024; Ngày gửi phản biện: 15/01/2025; Ngày duyệt đăng: 25/12/2025*